**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ R**
**TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2018
Về việc: "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R**
**TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thế Vỹ

*- Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Lý Xuyên
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2017, về: "Ly hôn giữa chị T và anh H" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, Sinh năm: 1992
Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.
Chỗ ở: Tổ dân phố K, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Đoàn H, Sinh năm: 1985
Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã P, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị T trình bày*: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu nhau được 02 năm thì đi đến hôn nhân. Chị T và anh H có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 23, quyển số: 01/2009, ngày 15/03/2010. Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H không có hạnh phúc,

nguyên nhân ban đầu là do khắc khẩu, tính tình không hợp nhau. Anh H không tin tưởng chị T dẫn đến có lời lẽ xúc phạm chị T. Sau đó anh H lâm vào cá độ dẫn đến nợ nần, bao nhiêu tài sản trong nhà tiêu tan hết. Chị T đã nhiều lần bỏ qua lỗi lầm cho anh H nN anh H không sửa đổi. Thời gian gần đây anh H sử dụng ma túy đá, thường xuyên về nhà gây sự, đánh đập, ghen tuông. Chị T không chấp nhận người chồng sống vô trách nhiệm, không quan tâm lo lắng đến vợ và con, quan hệ vợ chồng không thể nào hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, chị T không còn chung sống với anh H. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H.

*Về con chung*: Chị T và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc N, Sinh ngày: 14/9/2010; Nguyễn Lê K, Sinh ngày: 06/8/2012.

Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K; anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

*Tại bản tự khai ngày 03/11/2017, bị đơn Nguyễn Đoàn H trình bày*: Anh H và chị T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 23, quyển số: 01/2009, ngày 15/03/2010. Cuộc sống chung của hai vợ chồng diễn ra bình thường. Tuy anh H có một số sai lầm nN anh H biết suy nghĩ và khắc phục để cùng vợ nuôi dạy con cái. Anh H còn yêu thương vợ con, lo lắng cho tương lai của các con nên không đồng ý ly hôn với chị T. Anh H yêu cầu Tòa án cho một thời gian để vợ chồng suy nghĩ hàn gắn lại quan hệ.

*Về con chung*: Chị T và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc N, Sinh ngày: 14/9/2010; Nguyễn Lê K, Sinh ngày: 06/8/2012.

Anh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N; Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T; về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Lê K và anh Nguyễn Đoàn H được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc N là có cơ sở phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Về

tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, về nợ chung: Không có. Chị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

*Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:*

Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T và anh H số: 23, quyển số: 01/2009, ngày 15/03/2010 của UBND xã P.

Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Lê K.

Chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị T.

Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Đoàn H.

Biên bản xác minh ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Đoàn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để xét xử nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[1.2] Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Đoàn H. Yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 23, quyển số: 01/2009, ngày 15/03/2010. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị T yêu cầu được ly hôn anh H vì chị T không chấp nhận người chồng sống vô trách nhiệm, không quan tâm lo lắng đến vợ và con, tính tình không hợp nhau, không tin tưởng vợ dẫn đến có lời lẽ xúc phạm, gây sự, đánh đập, ghen tuông chị T, anh H còn cá độ dẫn đến nợ nần, bao nhiêu tài sản trong nhà tiêu tan hết và còn sử dụng ma túy. Anh H không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn yêu thương vợ con, lo lắng cho tương lai của các con. Tuy nhiên, anh H không có thiện chí và không có các biện pháp để cải thiện, hàn gắn quan mối hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2017, chính quyền địa phương cho biết: "Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chính quyền địa phương không biết rõ mâu thuẫn. Chị T và anh H hiện nay không còn chung sống với nhau". Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Ngọc N, Sinh ngày: 14/9/2010; Nguyễn Lê K, Sinh ngày: 06/8/2012.

Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K; anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh H nhất trí theo yêu cầu của chị T.

Việc giao con chung cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, cháu N có nguyện vọng được chung sống với anh H; cháu K là nữ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ để cháu có điều kiện phát triển về mọi mặt. Do đó, yêu cầu của chị T là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu N, ý kiến của anh H và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Tuy nhiên hiện nay hai cháu N và K đang chung sống cùng anh H nên cần buộc anh H phải giao cháu K cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] V*ề cấp dưỡng nuôi con*: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của chị T nên ghi nhận.

[2.4] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.6] *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử***:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đoàn H.

2. *Về con chung*: Buộc anh Nguyễn Đoàn H giao cháu Nguyễn Lê K, Sinh ngày: 06/8/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Đoàn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu: Nguyễn Ngọc N, Sinh ngày: 14/9/2010.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị T về việc không yêu cầu anh Nguyễn Đoàn H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị T nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0011905 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R. Chị T đã nộp đủ.

5. Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đoàn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thế Vỹ**

**Nơi nhận:**
- TAND Tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố R
- Chi cục THADS thành phố R
- Các đương sự
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ, án văn